

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2022.

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sang.
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh 1990. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:* Vào năm 2021, anh và chị Nguyễn Thị Diễm M có quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không

đồng thuận. Anh và chị M không quan tâm tới nhau, mạnh ai nấy sống. Nên nay anh yêu cầu không công nhận anh và chị M là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày và yêu cầu:* Chị thừa nhận lời trình bày của anh H là đúng về thời gian tổ chức lễ cưới không có đăng ký kết hôn, về con chung, nợ chung, tài sản chung. Nay chị đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm M có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên lời trình bày, không thay đổi, bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng khoản 8 Điều 28, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Diễm M là vợ chồng.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xác định là không công nhận là vợ chồng. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị M và anh H cùng khai xác nhận: Tháng 01 năm 2021 anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của hai người không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó có cơ sở tuyên bố không công nhận chị M và anh H là vợ chồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

[3] Về con chung: Chị M, anh H cùng khai xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M, anh H cùng khai xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị M, anh H cùng khai xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Luật định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Tuyên: Không công nhận chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008772 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên anh H không phải nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nguyên**